

Phủ Riêng, ngày 27 tháng 02 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Về công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng cao su Phú Thịnh năm 2021**

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CPĐTXD Cao su Phú Thịnh**

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng cao su Phú Thịnh được ban hành kèm theo QĐ số 33/QĐ-HĐQTPTR ngày 01/7/2019 (sau đây gọi tắt là Công ty);
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế vào ngày 01/02/2022;
- Căn cứ vào kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021;
- Ban kiểm soát xin báo cáo kết quả công tác kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Cao su Phú Thịnh (PTR) năm 2021 như sau:

#### **I. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (BKS) năm 2021**

Ban kiểm soát gồm có 03 kiểm soát viên, trong đó 01 kiểm soát viên chuyên trách làm Trưởng ban và 02 kiểm soát viên kiêm nhiệm.

Đánh giá chung: Các thành viên trong BKS đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ chung và thực hiện kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2021 theo chương trình kế hoạch đề ra.

Trong năm đã kiểm tra, giám sát 11 chuyên đề có liên quan trong hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện nhiệm vụ chung của Công ty.

BKS PTR hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp, các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của BKS PTR. Hàng quý, BKS tổ chức họp định kỳ giữa các thành viên với nội dung chủ yếu sau:

- + Báo cáo tóm tắt kết quả kiểm tra, giám sát trong quý theo kế hoạch;
- + Kiểm điểm tình hình thực hiện các kiến nghị của BKS trong quý trước;

- + Trao đổi làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của PTR với đại diện Hội đồng quản trị, đại diện Ban điều hành và các cán bộ liên quan;
- + Thống nhất những ý kiến đánh giá, kiến nghị với PTR;
- + Xây dựng, điều chỉnh kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động của BKS trong quý tiếp theo hoặc đột xuất khi có yêu cầu;
- + BKS định kỳ tiến hành giám sát và đánh giá hoạt động của PTR thông qua các báo cáo từ các phòng chuyên môn nghiệp vụ, người đại diện của PTR tại công ty con, và trực tiếp kiểm tra một số hồ sơ tài liệu liên quan;
- + Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, giao ban định kỳ, hằng tuần và đột xuất.
- + Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty trong năm 2021, cụ thể là:
  - + Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc.
  - + Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc (Ban TGD);
  - + Giám sát tình hình hoạt động của HĐQT và thẩm định báo cáo hoạt động của HĐQT;
  - + Giám sát việc sửa đổi và hoàn thiện các Quy chế, quy định nội bộ của PTR;
  - + Giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm;
  - + Kiểm tra, giám sát các nội dung đã kết luận trong báo cáo số 984/KLKT-DKTCSPR ngày 17/12/2019.
- + Tham gia các ý kiến, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty về các những vấn đề liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty trong năm.
- + Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đối với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc.
- + Thẩm tra Báo cáo Tài chính; Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính trong năm 2021 nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.

## **II. Kết quả kiểm tra, giám sát**

### **1. Giám sát hoạt động đối với HĐQT**

HĐQT đã thực hiện đúng Điều lệ của PTR, trong năm 2021 đã ban hành 07 Nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trong năm như:

+ Nghị quyết số 10/NQ-HĐQTPTR, ngày 22/3/2021 về việc các nội dung thông qua HĐQT tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan đến sai phạm theo kết luận của đoàn kiểm tra Phú Riêng tại Cty CP PBTM Phú Thịnh;

+ Nghị quyết số 14/NQ-HĐQTPTR ngày 24/3/2021 về việc bổ nhiệm chức vụ trưởng phòng HCQT đối với ông Lê Hoài Trí.

+ Nghị quyết số 46/NQ-HĐQTPTR, ngày 28/7/2021 về việc xử lý các nội dung cá nhân có sai sót liên quan tại công văn số 93/HĐTVCSPR ngày 21/5/2021 tại Cty CPPBTM Phú Thịnh;

+ Nghị quyết số 54/NQ-HĐQTPTR, ngày 09/8/2021 về việc nhất trí chủ trương vay vốn lưu động phục vụ SXKD và đầu tư XDCB năm 2021;

+ Nghị quyết số 57/NQ-HĐQTPTR, ngày 13/8/2021 về việc nhất trí biểu quyết thông qua nội dung bàn giao 19,8 ha cao su chương trình 134 liên doanh cho UBND huyện Bù Gia Mập;

+ Nghị quyết số 77/NQ-HĐQTPTR, ngày 08/11/2021 về việc điều chỉnh vay vốn lưu động phục vụ SXKD năm 2021.

+ Nghị quyết số 83/NQ-HĐQTPTR, ngày 20/12/2021 về việc thông qua chủ trương vay vốn lưu động phục vụ SXKD năm 2021.

Các nội dung cơ bản Nghị quyết trên đã thực hiện hoàn thành đúng và vượt mức kế hoạch đề ra, đạt hiệu quả tốt trong năm 2021.

Riêng nội dung “Thoái vốn tại Công ty CPTM phân bón Phú Thịnh” theo Nghị quyết của ĐHCĐ Cty đang hoàn thiện và được tiếp tục thực hiện khắc phục phần đầu xong quý I/2022.

PTR thực hiện vượt mức các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao năm 2021:

Hội đồng Quản trị thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng Quản trị đã phối hợp tốt cùng Ban điều hành chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Báo cáo hoạt động của HĐQT đã phản ánh đầy đủ các hoạt động quản trị doanh nghiệp của HĐQT trong năm 2021.

Trong kiểm tra, giám sát Ban kiểm soát chưa phát hiện sai sót, những tồn tại đã được ghi nhận và thống nhất thực hiện trong năm 2022.

## **2. Kết quả công tác lãnh đạo hoạt động SXKD của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty cùng ban quản lý điều hành có nhiều nỗ lực trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu quan trọng như:

Nội dung	ĐV tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ (%)
1. Sản lượng mủ cao su	tấn	5.150	7.387,019	143,44%
- Mủ khai thác	tấn	3.150	3.846,94	122,13%
- Mủ thu mua	tấn	2.000	3.540,07	177,0%
2. Sản lượng mủ cao su tiêu thụ	tấn	5.150	7.029,291	136,49%
- Mủ nước khai thác	tấn		279.111	
- Mủ TP khai thác	tấn	3.150	3.494,64	119,8%
- Mủ thu mua	tấn	2.000	3.255,54	162,78%
3. Giá thành SX mủ nước	đ/tấn	25.030.000	25.399.434	101,48%
4. Giá thành chế biến	đ/tấn	2.910.000	2.934.165	100,83%
5. Giá thành mủ nước thu mua	đ/tấn	33.490.000	37.072.873	110,7%
6. Giá thành tiêu thụ mủ TP	đ/tấn	27.892.536	27.799.757	99,67%
- Mủ khai thác	đ/tấn	27.940.000	28.219.423	101,0%
- Mủ thu mua	đ/tấn	40.007.038	40.007.038	100,0%
7. Giá bán mủ nước BQ	đ/tấn	27.0000.000	29.937.613	110,88%
8. Giá bán mủ T. phẩm BQ	đ/tấn	37.000.000	39.657.951	107,18%
9. Tổng doanh thu	đồng	320.362.000.000	392.521.359.666	122,52%
Doanh thu mủ cao su	đồng	190.550.000.000	278.766.924.320	133,38%
Doanh thu từ CB gỗ	đồng	129.787.000.000	113.179.218.457	77,6%
Doanh thu từ cho thuê	đồng	0	0	0
Doanh thu khác	đồng		521.920.650	
Doanh thu HĐTC	đồng	25.000.000	53.296.239	213,18%
10. Lợi nhuận trước thuế	đồng	23.474.000.000	34.600.575.247	147,4%

Nội dung	ĐV tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ (%)
Lợi nhuận cao su K.thác	đồng	19.521.000.000	29.869.019.600	153,01%
Lợi nhuận từ CS thu mua	đồng	206.000.000	802.057.841	389,35%
Lợi nhuận từ CB gỗ, khác	đồng	9.302.000.000	8.812.249.858	94,73%
Lợi nhuận hoạt động tài chính và Thu nhập khác	đồng	-6.555.000.000	-4.882.570.281	74,49%

### 3. Thẩm định báo cáo tài chính và tình hình tài chính năm 2021

#### a) Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021

BKS đánh giá Công ty thực hiện việc tổ chức hạch toán kế toán, mở sổ kế toán theo đúng các quy định. Sổ sách kế toán được ghi chép một cách kịp thời, phản ánh trung thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.

BKS xác nhận Báo cáo tài chính của Công ty PTR được lập vào ngày 09/02/2022 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả kinh doanh và hoạt động lưu chuyển tiền tệ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định về kế toán có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính cũng đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế với ý kiến chấp nhận toàn phần ký ngày 01/3/2022. Một ý kiến nhỏ đã được ghi nhận và phòng TCKT tiếp thu đầy đủ.

Trên cơ sở đó, Ban kiểm soát thống nhất xác nhận là chính xác, cụ thể như sau:

#### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2021	Năm 2020	Tỷ lệ %
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	391,946,142,777	318.855.323.346	122,92
2	Giá vốn hàng bán	11	338,256,668,160	278.751.055.591	121,35

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20	53.689.474.617	40.104.267.755	133,87
4	Doanh thu hoạt động tài chính	21	53.296.239	82.407.246	64,67
5	Chi phí hoạt động tài chính	22	4.410.800.291	5.881.967.346	74,99
6	Chi phí bán hàng	24	2.133.231.306	1.254.969.032	169,98
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	12.072.916.012	12.663.132.963	95,34
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	35.125.823.247	20.386.605.660	172,3
9	Thu nhập khác	31	521.920.650	813.763.439	
10	Chi phí khác	32	1.046.986.422	1.082.710.293	71,51
11	Lợi nhuận khác	40	(525.065.772)	(268.846.854)	
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	34.600.757.475	20.117.658.806	172,0
13	Chi phí thuế TNDN	51	7.452.729.968	3.698.534.553	201,50
14	Lợi nhuận sau thuế	52	27.148.027.507	16.419.124.253	165,34

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI 31/12/2021**

Đơn vị tính: đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Cuối năm 2021	Số đầu năm
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>160.019.324.900</b>	<b>111.969.000.119</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.01	<b>30.649.019.932</b>	<b>26.930.655.361</b>
111	1. Tiền		30.649.019.932	16.930.655.361
112	2. Các khoản tương đương tiền		0	10.000.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	V.02	<b>386.254.836</b>	<b>386.254.836</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		0	386.254.836
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	V.03	<b>59.932.442.756</b>	<b>63.073.168.354</b>
131	1. Phải thu khách hàng		52.805.458.946	56.284.949.468
132	2. Trả trước cho người bán		724.882.910	585.820.906
136	4. Các khoản phải thu khác		6.402.100.900	6.202.397.980
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.04	<b>69.382.873.505</b>	<b>19.965.515.834</b>
141	1. Hàng tồn kho		69.382.873.505	19.965.515.834
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	V.05	<b>54.988.707</b>	<b>1.613.405.734</b>
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		0	1.613.405.734
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>236.557.901.728</b>	<b>246.219.271.376</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>			
216	- Phải thu dài hạn khác			
220	<b>II. Tài sản cố định</b>	V.06	<b>229.763.678.136</b>	<b>235.698.692.443</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình		229.752.678.136	235.674.492.443

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Cuối năm 2021	Số đầu năm
222	- Nguyên giá		340.695.032.085	329.480.102.761
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(110.942.353.949)	(93.805.610.318)
227	2. Tài sản cố định vô hình		11.000.000	24.200.000
228	- Nguyên giá		105.600.000	105.600.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(94.600.000)	(81.400.000)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>3.486.450.270</b>	<b>9.756.851.641</b>
242	Chi phí xây dựng CB dở dang	V.07	3.486.450.270	9.756.851.641
250	<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>61.754.167</b>	<b>145.632.808</b>
251	Đầu tư vào Công ty con	V.08	3.260.000.000	3.260.000.000
259	Dự phòng đầu tư dài hạn		(3.198.245.833)	(3.114.367.192)
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.246.019.155</b>	<b>618.094.484</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.09	2.962.412.101	618.094.484
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>396.577.226.628</b>	<b>358.188.271.495</b>

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Cuối năm 2021	Số đầu năm
300	<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>137.410.609.402</b>	<b>118.805.674.297</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>126.134.609.402</b>	<b>101.250.674.297</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	7.828.096.113	4.816.736.289
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	6.275.945.120	754.448.688
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	15.379.974.727	14.299.351.048
314	4. Phải trả người lao động	V.13	28.585.011.156	18.681.415.527



Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Cuối năm 2021	Số đầu năm
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.14	0	0
319	6. Phải trả, phải nộp khác	V.15	6.105.546.186	21.626.949.333
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.16	57.755.000.000	35.000.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.205.036.100	6.071.773.412
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>11.276.000.000</b>	<b>17.555.000.000</b>
331	1. Vay và nợ dài hạn	V.17	11.276.000.000	17.555.000.000
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>259.166.617.226</b>	<b>239.382.597.198</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.18	<b>260.031.589.381</b>	<b>241.610.734.562</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		196.832.400.000	196.832.400.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(472.069.544)	(472.069.544)
415	3. Cổ phiếu quỹ		(790.900.000)	(790.900.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		29.107.126.894	28.051.818.931
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		35.355.032.031	17.989.485.275
421a	<i>-LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước</i>		8.207.004.524	6.805.289.022
421b	<i>-LNST chưa PP kỳ này</i>		27.148.027.507	11.184.196.253
430	<b>I. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>(864.972.155)</b>	<b>(2.228.137.364)</b>
431	1. Nguồn kinh phí		(864.972.155)	(2.228.137.364)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>396.577.226.628</b>	<b>358.188.271.495</b>



**b) Phân tích một số chỉ tiêu cơ bản tình hình tài chính của Công ty tại 31/12/2020**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2020	Tỷ lệ % (+) Tăng, (-) Giảm
<b>1. Khả năng thanh toán</b>				
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,72	0,91	-20,87
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,27	1,10	15,45
<b>2. Cơ cấu tài sản</b>				
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	59,59	68,74	-13,31
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	40,41	31,25	29,31
<b>3. Cơ cấu vốn</b>				
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	34,65	33,17	4,46
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	65,35	66,83	-2,2
- Nợ phải trả /Vốn chủ sở hữu	%	53,01	49,63	6,81
- Vốn vay/Tổng nguồn vốn	%	17,40	14,67	18,61
<b>4. Tỷ suất sinh lời</b>				
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/DT	%	9,04	5,63	60,57
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn góp CP	%	18,0	9,14	96,94
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	8,93	5,02	77,88

**4. Đánh giá chung**

**a) Hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Trong năm 2021, mặc dù Công ty gặp nhiều khó khăn do tình hình giao thành phẩm tiêu thụ những tháng đầu năm có khó khăn, giá sản tập đoàn giao tại thời điểm giá cả thị trường biến động giảm nên có khó khăn cho tiêu thụ, dịch bệnh Covid-19 thực hiện cách ly làm gián đoạn lưu thông hàng hóa kéo dài, nhưng Ban điều hành Công ty đã nỗ lực phấn đấu khắc phục mọi khó khăn, chỉ đạo tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả khá tốt.

Tổng Doanh thu: 391,946 tỷ đồng, đạt 122,3% KH, vượt 22,3%

Tổng lợi nhuận: 27,148 tỷ đồng đạt 133,76% kế hoạch Tập Đoàn giao.

**b) Các chỉ tiêu về tài chính:**

- Về chỉ số thanh toán: Tại thời điểm 31/12/2021 của Công ty được tính toán ở bảng trên về khả năng thanh toán nhanh = 0,72 và khả năng thanh toán hiện hành = 1,27 điều này chứng minh hiện tại Công ty có đủ tiềm lực về tài chính để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Cơ cấu tài sản: Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng 59,59% và tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng là 40,41% trên tổng tài sản của công ty, công ty có chủ trương đầu tư hợp lý, chủ yếu TSCĐ là vườn cây cao su có giá trị lớn, các khoản phải thu khách hàng và hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn trong tài sản của công ty.

- Cơ cấu vốn: Nợ phải trả năm 2021 có tăng so với năm trước, do đầu tư sửa chữa mộ số hạng mục công trình phục vụ cho công tác tăng cường sản xuất nhưng vẫn đảm bảo nguồn chi trả khi đến hạn,

- Tỷ suất lợi nhuận: Năm 2021 so với năm 2020 tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu tăng 60,57%, tỷ suất lợi nhuận trên vốn góp cổ phần so với năm 2020 tăng 96,94%, tỉ suất lợi nhuận trên tổng tài sản tăng 77,88% điều này cho thấy năm 2021 Công ty kinh doanh đạt hiệu quả cao hơn so năm 2020.

Với kết quả trên chứng minh rằng HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty trong năm đã rất cố gắng nỗ lực, chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021 đạt hiệu quả khá tốt.

**5. Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với các cổ đông HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý trong năm 2021.**

+ Ban Kiểm soát đã phối hợp và nhận được sự hợp tác tốt từ các cổ đông, HĐQT và Ban Tổng giám đốc. Ban TGD và các cán bộ quản lý tại các phòng, ban chức năng đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát;

+ Hoạt động của BKS được thực hiện đúng quy định về tổ chức hoạt động theo đúng quy định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ PTR, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

+ Ban kiểm soát xây dựng qui trình của Ban kiểm soát, lập kế hoạch kiểm tra, kiểm soát trong năm 2021 và kế hoạch định kỳ hàng quý và được sự đồng thuận của các thành viên BKS, đại diện HĐQT, đại diện Ban điều hành và các phòng ban liên quan;

+ Đánh giá tình hình thực hiện các kiến nghị của BKS trong từng kỳ họp; trao đổi làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của từng quý với đại diện Hội đồng quản trị, đại diện Ban điều hành và các cán bộ liên quan;

+ BKS thống nhất những ý kiến đánh giá thông qua kết quả hoạt động kinh doanh từng quý và đưa ra kiến nghị đề PTR triển khai thực hiện.

### III. Ý kiến kiến nghị của BKS

1. Đề nghị HĐQT chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh, không được vượt định mức làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022.

2. Đề nghị HĐQT Công ty chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục tập trung hoàn thiện mọi thủ tục thoái vốn tại Công ty con theo đúng chủ trương và dứt điểm trong quý II/2022.

3. Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục về cấp quyền sử dụng đất và quản lý sử dụng đất nông nghiệp tại các dự án và các tiểu khu đạt hiệu quả tốt nhất.

Trên đây là nội dung báo cáo của ban kiểm soát về việc giám sát tình hình hoạt động của công ty trong năm 2021.

Ban kiểm soát xin trân trọng cảm ơn quý cổ đông cũng như sự hợp tác nhiệt tình của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban chuyên môn của Công ty đã tạo mọi điều kiện cho Ban kiểm soát hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ.

Trân trọng kính chào./.

#### Nơi nhận:

- + Đại hội cổ đông Cty CP ĐTXD CS Phú Thịnh;
- + HĐQT Cty CP ĐTXD CS Phú Thịnh;
- + KSV PTC Cty Phú Riêng
- + Lưu Ban Kiểm soát.



Trưởng Ban

Hồ Văn Cường